

Số: 216 /2019/NQ-HĐND

Vĩnh Long, ngày 06 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với
Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Thực hiện Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ Hợp tác xã giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Thông tư 15/2016/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn điều kiện và tiêu chí thụ hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với hợp tác xã nông nghiệp;

Xét Tờ trình số 197/TTr-UBND ngày 14/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, mức hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã hoạt động trong các lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, thủy lợi (gọi chung là Hợp tác xã nông nghiệp) trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các Hợp tác xã nông nghiệp thành lập, tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc và quy định của Luật hợp tác xã năm 2012, thực hiện cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho các thành viên có hoạt động sản xuất nông nghiệp.

b) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Nguyên tắc, tiêu chí, điều kiện xét hỗ trợ

a) Nguyên tắc hỗ trợ

Tập trung ưu tiên hỗ trợ đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất các Hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo cụm liên kết ngành, tạo chuỗi giá trị bền vững cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương; hợp tác xã có quy mô thành viên lớn. Mỗi Hợp tác xã nông nghiệp chỉ được hưởng chính sách hỗ trợ này một lần.

b) Tiêu chí, điều kiện xét hỗ trợ

Tiêu chí, điều kiện xét hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với Hợp tác xã nông nghiệp thực hiện theo quy định tại điều 4, điều 5 Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn điều kiện và tiêu chí thụ hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với hợp tác xã nông nghiệp.

4. Danh mục các loại kết cấu hạ tầng được hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong đó, hỗ trợ các dự án đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, kinh doanh cho cộng đồng thành viên Hợp tác xã nông nghiệp như sau:

a) Xưởng sơ chế, chế biến: Xưởng sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp; Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

b) Công trình kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản bao gồm; hệ thống cấp thoát nước đầu mối (ao, bể chứa, cống, kênh, đường ống cấp, tiêu thoát nước, trạm bơm), đê bao, kè, đường giao thông, công trình xử lý nước thải chung đối với vùng nuôi trồng thủy sản; hệ thống phao tiêu, đèn báo ranh giới khu vực nuôi, hệ thống neo lồng bè.

c) Công trình thủy lợi, giao thông nội đồng trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp bao gồm: Cống, trạm bơm, đường ống dẫn nước, kênh, bể chứa nước, công trình trên kênh và bờ bao các loại, hệ thống cấp nước đầu mối phục vụ tưới tiết kiệm. Đường trục chính giao thông nội đồng.

d) Công trình điện, nước sinh hoạt: Hệ thống điện hạ thế phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp; Công trình nước sinh

hoạt gồm khu đầu mối và hệ thống đường ống cấp nước các khu vực trên địa bàn.

đ) Sân phơi, nhà kho, cửa hàng vật tư nông nghiệp.

e) Trụ sở làm việc.

5. Mức hỗ trợ

a) Ngân sách nhà nước: 80% tổng mức đầu tư của dự án.

b) Nguồn vốn của các Hợp tác xã nông nghiệp: đóng góp 20% tổng mức đầu tư của dự án.

6. Tổng mức đầu tư để tính tỷ lệ hỗ trợ đầu tư

a) Tổng mức đầu tư để áp dụng tính tỷ lệ hỗ trợ đầu tư là tổng mức đầu tư xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Việc lập tổng mức đầu tư dự án phải tuân theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, thiết kế, định mức, đơn giá của từng loại công trình.

7. Nguồn kinh phí thực hiện

Bổ trí từ ngân sách Nhà nước (vốn Ngân sách Trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và vốn Ngân sách địa phương) và nguồn vốn của các Hợp tác xã nông nghiệp.

8. Về thủ tục hỗ trợ đầu tư, bàn giao quản lý, khai thác công trình

a) Thủ tục thực hiện hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các văn bản có liên quan.

b) Sau khi nghiệm thu, các chủ đầu tư bàn giao công trình cho các hợp tác xã để quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa được thống kê đầy đủ về hiện vật và giá trị. Công trình này sẽ là tài sản không chia của hợp tác xã, hợp tác xã phải tự trang trải chi phí cho vận hành, duy tu, bảo dưỡng theo đúng quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo phát huy hiệu quả theo thiết kế; khi hợp tác xã giải thể thì phần giá trị tài sản được hình thành từ khoản hỗ trợ của nhà nước được chuyển vào ngân sách địa phương cùng cấp với cơ quan đăng ký hợp tác xã.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa IX, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 12 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Kế hoạch & Đầu tư ;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán nhà nước Khu vực IX;
- Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Công báo tỉnh, Trang tin HĐND;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Đã ký: Bùi Văn Nghiêm